

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH 6
Số: 09/2023/BB-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 6**

***(V/v vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP
Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Hà Nội)***

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình 6 năm 2021;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Công trình 6 mã số doanh nghiệp 0100104901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/09/2003, đăng thay đổi lần thứ 12 ngày 01/04/2021;
- Căn cứ vào nhu cầu vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Công trình 6,
- Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty tại Giấy đề nghị cấp hạn mức tín dụng và hạn mức bảo lãnh 2023 ngày 06/06/2023 về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại BIDV – Chi nhánh Đông Hà Nội.

Hôm nay, vào lúc 09h30 ngày tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Công ty Cổ phần Công trình, địa chỉ tại Tổ 36, TT Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội. Hội đồng quản trị Công ty tiến hành họp bàn và quyết định một số nội dung liên quan đến việc vay vốn lưu động, bảo lãnh cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần công trình 6 và việc sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Hà Nội (sau đây gọi tắt là “**Ngân hàng**”).

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ HỌP

Toàn thể thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình 6, gồm:

- Ông Phạm Văn Thúy** - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ toạ
 - Số CMND/Hộ chiếu: 0214193617 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 15/02/2012
 - Hộ khẩu thường trú: 28/19 Trần Thiện Chánh, phường 12 Quận 10 TP. Hồ Chí Minh
 - Tỷ lệ vốn góp: 0% vốn điều lệ Công ty tương đương với 0 Cổ phần.
- Ông Phan Hồng Ngọc** - Thành viên HĐQT
 - Số CCCD: 040082000212 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/07/2015
 - Hộ khẩu thường trú: Số 838 Đường Láng, tổ 36, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Tỷ lệ vốn góp: 8.25% đương với 503,772 cổ phần
- Ông Lương Bá Minh** - Thành viên HĐQT
 - Số CCCD: 026078001284 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/01/2022
 - Hộ khẩu thường trú: Số 34, Ngõ 139/8 N/N/Vũ, Tổ 6, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

- Tỷ lệ vốn góp: 8.17% tương đương với 498,811 cổ phần

4. Ông Phan Quốc Hiếu - Thành viên HĐQT

- Số CCCD: 040062000015 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/03/2021

- Hộ khẩu thường trú: 2310 TN N010 KĐT M D Vọng, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

- Tỷ lệ vốn góp: 6.73% tương đương với 411,000 cổ phần.

Thư ký cuộc họp: Ông Phan Anh Tuấn - Chức vụ: Kế toán trưởng công ty CP công trình 6

II. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA CUỘC HỌP

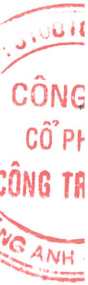
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu vay vốn của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua nội dung cụ thể sau đây:

1. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chính sau đây:

a) Kế hoạch sản lượng 2023

TT	Công trình	KH SXKD năm 2023	KH SXKD năm 2023
		KL	Sản lượng
	<u>Tổng sản lượng</u>		<u>210.000,0</u>
I	Sản lượng xây lắp		132.158,8
II	Sản lượng công nghiệp		70.794,8
III	Sản lượng từ kinh doanh khác		7.046,4
I	Sản lượng xây lắp		132.158,8
1	Xí nghiệp công trình 601		35.000,0
1.1	Gói XL-NTSG2-01: CTNC đoạn Km 1381+930 - Km 1419+500 thuộc tỉnh Ninh Thuận		20.000,0
1.2	Gói 3: Xây lắp, cải tạo đường sắt khu vực hồ Gap		
1.3	Sửa chữa đường sắt đoạn Vinh - Nha Trang		15.000,0
1.4	Gói 11A: Thi công xây dựng gia cố các công trình hầm số 1, số 2, số 3, Phủ Cũ, Chí Thạnh, Vũng Rô 1, Vũng Rô 4, Bãi Gió		-
1.4	Thi công hầm chui Giáp Bát		
2	Xí nghiệp công trình 605		33.000,0
2.1	Sửa chữa đường sắt đoạn Vinh - Nha Trang		15.000,0
2.2	Sửa chữa đường sắt đoạn Nha Trang - Sài Gòn		10.000,0

2.3	Sửa chữa đường sắt đoạn Km 56 - Km 59 tuyến Gia Lâm - Hải Phòng		8.000,0
2.4	Dự án: 9 ga phía Bắc		
3	Các dự án ngoài ngành		28.158,8
	Dự án : nâng cấp QL20		28.158,8
4	Cty TNHH công trình 6 - Myanmar		30.000,0
	Gói 103 - Dự án nâng cấp tuyến ĐS Yangon - Mandalay, giai đoạn 1.		30.000,0
II	Sản lượng công nghiệp		70.794,8
1	XN vật liệu xây dựng Tháp Chàm		41.910,0
1.1	TVBT DUL TN1 (thanh)	60,000	41.910,0
2	XN vật liệu & xây lắp		28.884,8
2.1	TVBT DUL TN1 (thanh)	25,000	17.462,5
2.2	TVBT DUL LW (thanh)	3,000	2.722,5
2.3	TVBT ghi tg1/7 (Bộ)	30	2.118,5
2.4	TVBT ghi tg1/10	10	1.250,7
2.5	TVBT DUL – Quảng Ninh (thanh)	6,000	5.082,0
2.6	Tấm bản đường ngang (tấm)	20	248,6
2.7	Chi phí vận chuyển		
3	Xây lắp khác		6.000,0
3.1	Các dự án ngoài ngành		6.000,0
III	Sản lượng từ kinh doanh khác		7.046,4
1	Phòng TN&KD công trình		1.300,0
2	Liên doanh với các đơn vị sản xuất trên đất của Công ty		5.746,4



Ngoài các công trình đã ký hợp đồng, phát hành bảo lãnh theo Bảng trên, Công ty dự kiến đấu thầu thêm 200,000 triệu đồng các công trình khác, với tỷ lệ trúng thầu là 50%. Kế hoạch bảo lãnh năm 2023 cụ thể như sau:

TT	Loại bảo lãnh	Giá trị hợp đồng cần bảo lãnh	Tỷ lệ bảo lãnh	Vòng quay bình quân	Giá trị
	Dư bảo lãnh đầu kỳ (A)				25.783
	Dư bảo lãnh trong kỳ (B)				
1	Bảo lãnh dự thầu (B1)	200,000	1%	120 ngày	667
2	Bảo lãnh thực hiện HĐ (B2)	100,000	10%	365	10.139
3	Bảo lãnh ứng (B3)	100,000	30%	365	30.417
4	Bảo lãnh bảo hành (B4)	85,000	5%	365	4.309

5	Tổng giá trị bảo lãnh phát sinh trong kỳ (B) = B1 + B2 + B3 + B4				45.532
6	Số dư bảo lãnh hiện tại sẽ hết hạn trong năm 2023(C)				10.000
7	Nhu cầu bảo lãnh kế hoạch (= A + B - C)				61.315
8	Hạn mức bảo lãnh tại BIDV Đông Hà Nội				60.000

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, Công ty Cổ phần Công trình 6 lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2023-2024:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
	Nhu cầu hạn mức tín dụng		
1	Doanh thu	88.900	145.000
1.1	Doanh thu xây lắp	28.620	85.000
1.2	Doanh thu sản xuất công nghiệp + cung cấp vật tư thi công	55.136	60.000
2	Khấu hao cơ bản (thực tế) dự kiến trích	0	2.000
3	Lợi nhuận kinh doanh trước thuế TNDN	5.866	5.000
4	Thuế thu nhập dự kiến phải nộp	0	0
5	Lợi nhuận kinh doanh (sau thuế)	5.860	5.000
6	Vòng quay vốn lưu động trung bình	0.68	1.1
7	Tổng nhu cầu vốn lưu động (7= 1x2-3)	84.391	138.000
8	Nhu cầu vốn lưu động 1 vòng quay (8= 7/6)	123.486	125.455
9	Vốn tự có và coi như tự có	31.999	28.539
10	Vốn huy động khác	64.967	65.000
11	Tổng hạn mức tín dụng/nhu cầu vốn lưu động tối đa (11=8-9-10)	25.000	30.000
12	Vốn vay tại ngân hàng khác	-	-
13	Nhu cầu tín dụng tại BIDV Đông Hà Nội	25.000	30.000

2. Vay vốn:

Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C của Công ty Cổ phần Công trình 6 tại Ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức hạn mức tín dụng/theo món. Cụ thể như sau:

Tổng giới hạn tín dụng ngắn hạn năm 2023, gói đầu 2024 cho Công ty CP Công trình 6 là 90.000.000.000 đồng (bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng./.), trong đó:

- Hạn mức (Cho vay, mở L/C, BLTT): 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Hạn mức bảo lãnh (không bao gồm BLTT): 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)

- Mục đích: Vay vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Công trình 6

- Thời hạn, Lãi suất vay và điều kiện vay vốn: Theo quy định của Ngân hàng và thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty và BIDV Đông Hà Nội

3. Sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm:

Thông nhất thông qua phương án sử dụng tài sản đảm bảo như sau:

- Bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hiện có thuộc sở hữu của Doanh nghiệp : Tài sản của Công ty cổ phần công trình 6 được phản ánh trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo đúng quy định của Pháp luật Việt Nam.

- Bảo đảm bằng tài sản của ban lãnh đạo công ty, của bên thứ ba theo đúng nội dung Hợp đồng đã được ký kết giữa Công ty cổ phần công trình 6, Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Đông Hà Nội và Bên thứ ba (Hợp đồng thế chấp ba bên có công chứng).

Cụ thể:

TT	Mô tả biện pháp bảo đảm	Giá trị TSD (triệu đồng)
1	Tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty CP Công trình 6. Theo HĐTC số 02/2017/153713/HDBD ngày 28/08/2017 và PLHĐ số 01/2021/PLHĐ ngày 07/06/2021. Ngày định giá gần nhất: 29/09/2022.	31.205
2	Tài sản là Quyền đòi nợ/các khoản phải thu theo Hợp đồng số 01/2022/153713/HĐBĐBS ngày 02/03/2022	-
3	Tài sản thế chấp là Công trình xây dựng và lợi thế quyền thuê đất của Công ty CP Công trình 6. Theo HĐTC số 01/2017/153713/HDBD ngày 28/08/2017. (Bao gồm: Lợi thế quyền thuê đất và tài sản tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, diện tích 33.832 m ² giá trị định giá là 80.953 triệu đồng, Tài sản tại Tháp Chàm – Tỉnh Ninh Thuận giá trị định giá là 6.102 triệu đồng).	-
4	Hợp đồng tiền gửi số 01/2021/153713/HĐBĐ ngày 27/01/2021 Của Công ty CP Công trình 6	1.183
5	Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Xã Ngọc Thanh, Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 786006 (Số vào sổ cấp GCN: CS 05333) do Sở tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 20/01/2022. Chủ sử dụng: Bà Đàm Thị Kim Cúc (vợ Ông Lương Bá Minh - Phó GD), Cùng sử dụng đất với bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	9.963

6	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 702268 (Số vào sổ cấp GCN: CS-ĐA 04463) do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 02/06/2016. Chủ sử dụng: Ông Phan Anh Tuấn (kế toán trưởng công ty) và Bà Nguyễn Thị Hạnh.	12.375
7	Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 838 Đường Láng, tổ 36, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 10109413043 (Số vào sổ cấp GCN: 3187. QĐU3.2004) do UBND tỉnh Hà Nội cấp ngày 13/12/2004. Chủ sử dụng: Ông Phan Quốc Nam và Bà Phan Thị Thanh Hải. (bố mẹ Ông Phạm Hồng Ngọc - GD công ty)	9.857
Tổng cộng		64.583

4. Chỉ định người đại diện Công ty Cổ phần Công trình 6 thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết hợp đồng với Ngân hàng

Chỉ định Ông Phan Hồng Ngọc hiện giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty đồng thời người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện Công ty Cổ phần công trình 6: Thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết và thực hiện các hợp đồng, văn bản liên quan đến việc vay vốn, thế chấp, cầm cố tài sản tại Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn: Giấy đề nghị vay vốn; Giấy đề nghị phát hành bảo lãnh, mở L/C; Hợp đồng tín dụng hạn mức; Hợp đồng cấp bảo lãnh; Bảng kê rút vốn/Hợp đồng tín dụng cụ thể; Giấy đề nghị giải ngân; Bảng phân khai kế hoạch giải ngân; Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm; Biên bản giao nhận hồ sơ chứng từ liên quan đến từng lần giải ngân; Biên bản định giá tài sản và các văn bản, tài liệu khác có liên quan...

5. Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về toàn bộ các văn bản, hợp đồng, tài liệu do Ông Phan Hồng Ngọc đại diện Công ty Cổ phần Công trình 6 ký kết với Ngân hàng phù hợp với các nội dung nêu tại Biên bản này và đúng quy định của Pháp luật Việt Nam.

III. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT, THÔNG QUA

Tại cuộc họp, qua thảo luận, các thành viên HĐQT đều tán thành nội dung được đưa ra và xem xét tại cuộc họp. Do đó, các thành viên HĐQT đã tiến hành biểu quyết với kết quả biểu quyết dưới đây:

- Số phiếu tán thành: 04 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của thành viên dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đạt 0% tổng số phiếu biểu quyết của thành viên dự họp.

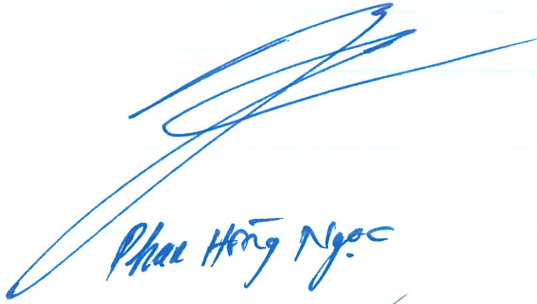
IV. QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC THÔNG QUA

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành và căn cứ Điều lệ

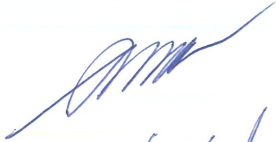
Biên bản này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cuộc họp kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày, Biên bản được đọc thông qua và các thành viên Hội đồng quản trị nhất trí ký tên vào Biên bản để làm căn cứ thực hiện.

Các thành viên HĐQT



Phao Hồng Ngọc



Lê Đình Bá Minh



Phan Quốc Hoàn

Chủ tịch hội đồng quản trị



Chủ tọa

Thư ký cuộc họp

